

BỆNH VIỆN ĐKKV CỬ CHI
TIỂU BAN GIÁM SÁT
THÔNG THUỐC TIN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**HƯỚNG DẪN PHA TIÊM KHÁNG SINH
ĐANG SỬ DỤNG TẠI BỆNH VIỆN NĂM 2023 (LẦN 1)**



Ngày 22 tháng 05 năm 2023

TRƯỞNG BAN

Đã ký

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
				/Hàm lượng		Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
01	Ampicilin + sulbactam	Nerusyn 1,5g [2]	Thuốc bột pha tiêm	1g;0,5g	1,5g/3,2ml NCPT hoặc lidocaine HCl 0,5 % (hoặc 2%)	1,5g/3,2ml NCPT	>3 phút	Hòa tan 1,5g/3,2ml NCPT, dung dịch sau khi hoàn nguyên tiếp tục được pha loãng trong 50 - 100ml dung môi tương hợp	15 - 30 phút	NCPT NaCl 0,9% Dung dịch Dextrose 5% trong nước Dung dịch Dextrose 5% trong NaCl 0,45% Dung dịch đường đã nghịch chuyển 10% trong nước Dung dịch Lactate Ringer	Độ ổn định của dung dịch truyền tĩnh mạch tùy thuộc vào dung môi và nồng độ sau khi pha.
02	Ampicilin + sulbactam	Unasyn [2]	Thuốc bột pha tiêm, truyền	1g; 0.5g	1,5g/3,2ml NCPT hoặc lidocaine HCl 0,5%	1,5g/3.2ml NCPT	Tối thiểu 3 phút	Hòa tan: 1,5g/3.2 ml NCPT, pha loãng: trong 50 - 100ml dung môi tương hợp	15 - 30 phút	Nước pha tiêm vô khuẩn NaCl 0,9% Dung dịch Natri Lactat M/6 Dung dịch Dextrose 5% trong nước Dung dịch Dextrose 5% trong NaCl 0,45% Dung dịch đường đã nghịch chuyển 10% trong nước Dung dịch Lactate Ringer	Tiêm bắp: ngay trong vòng 1 giờ sau pha, tiêm tĩnh mạch tùy theo dung môi và nồng độ.
03	Ampicilin + sulbactam	Nerusyn 3g [2]	Thuốc bột pha tiêm	2g; 1g	3g/6,4ml NCPT hoặc lidocaine HCl 0,5 % (hoặc 2%)	3g/6,4ml NCPT	>10-15 phút	Hòa tan: 3g/6,4ml NCPT, pha loãng: trong 50 - 100ml dung môi tương hợp	15 - 30 phút	NCPT NaCl 0,9% Dung dịch Dextrose 5% trong nước Dung dịch Lactate Ringer	Dùng ngay sau khi pha loãng

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
				/Hàm lượng		Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
04	Amoxicilin + acid clavulanic	Axuka [2]	Bột pha tiêm	1000mg; 200mg	Không sử dụng	Hòa tan 1,2g Axuka /20 ml NCPT.	3-4 phút	Hòa tan 1,2g Axuka /20 ml NCPT, tiếp tục hòa tan vào 100ml dung dịch truyền tương thích.	30 - 40 phút	Nước cất pha tiêm Dung dịch tiêm NaCl 0,9% Dung dịch Ringer	Dùng ngay sau khi pha
05	Piperacilin	Piperacillin 2g [2]	Thuốc bột pha tiêm	2g	Mỗi lọ 2g Piperacilin pha với 4ml NCPT hoặc dung dịch lidocain 0,5% hoặc 1% (giới hạn 2g tại một vị trí tiêm)	Mỗi lọ 2g Piperacilin pha với 10ml NCPT	3 - 5 phút	Mỗi lọ 2g Piperacilin pha với 10ml NCPT, rồi pha loãng thành 50ml bằng dung môi tương hợp	20 - 40 phút	Glu 5% , NaCl 0,9%, Glu5%-NaCl 0,9%, NCPT, Ringer lactate Glucose 30% Mannitol 20%	Dung dịch sau khi pha nên được sử dụng ngay, ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ phòng hoặc 48 giờ ở 4°C
06	Piperacilin + Tazobactam	Piperacillin /Tazobactam Kabi 4g/0,5g [2]	Bột pha dung dịch truyền	4g; 0,5g	Không sử dụng	Không sử dụng		Hòa tan 01 lọ Piperacillin/Tazobactam Kabi 4g/0,5g với 20ml dung môi tương hợp, lắc khuấy cho đến khi thuốc hòa tan thành dung dịch (khoảng 5-10 phút)	30 phút	Dung môi tương hợp được dùng để hòa tan thành dung dịch: Dung dịch NaCl 0,9% pha tiêm Nước cất pha tiêm (tối đa mỗi liều dùng là 50ml) Dung dịch sau khi hòa tan có thể được pha loãng thêm tới thể tích mong muốn (50-150ml) với một trong các dung môi sau: Dung dịch NaCl 0,9% pha tiêm Dung dịch Glucose 5%	Dung dịch sau khi pha dùng ngay, ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ /Hàm lượng	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
						Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
07	Piperacilin + tazobactam	Tazocin[2]	Bột đông khô vô khuẩn pha dung dịch truyền tĩnh mạch	4g; 0,5g	Không sử dụng	Không sử dụng		Hòa tan 01 lọ Tazocin 4,5g với 20ml dung môi tương hợp, lắc xoáy cho đến khi thuốc hòa tan thành dung dịch (khoảng 5-10 phút)	>20-30 phút	Dung dịch được dùng để hòa tan thành dung dịch: NaCl 0,9% pha tiêm Nước vô khuẩn pha tiêm Dextrose 5% Nước muối sinh lý kim khuẩn/Parabens Nước kim khuẩn/Parabens Nước muối sinh lý kim khuẩn/Alcol Benzyl Nước kim khuẩn/Alcol Benzyl Dung dịch sau khi hòa tan có thể được pha loãng thêm tới thể tích mong muốn với một trong các dung môi sau: NaCl 0,9% pha tiêm Nước vô khuẩn pha tiêm (tối đa 50ml) Dextrose 5% Dextran 6% trong nước muối sinh lý Dung dịch Ringer Lactat Dung dịch Hartmann Dung dịch Ringer Acetat Dung dịch Ringer Acetat/Malat	Dung dịch sau khi hòa tan thuốc bột: bổ phần dung dịch không sử dụng sau 24 giờ nếu bảo quản < 25°C hoặc sau 48 giờ nếu bảo quản trong tủ lạnh 2°C - 8°C

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ /Hàm lượng	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
						Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
08	Ticarcillin + acid clavulanic	Vitacalat [2]	Thuố c bột pha tiêm	3g; 0,2g	Không sử dụng	Không sử dụng		Hòa tan 01 lọ Vitacalat 3,2g trong 10ml dung môi, tiếp tục pha loãng với 100ml NCPT hoặc 100-150ml dung dịch Glucose 5%	30-40 phút	NCPT Glucose 5%	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay. Dung dịch sau khi pha với NCPT ổn định trong 72 giờ ở nhiệt độ 5°C, 24 giờ ở 25°C. Dung dịch sau khi pha với Glucose 5% ổn định trong 72 giờ ở nhiệt độ 5°C, 12 giờ ở 25°C.
09	Ticarcillin + acid clavulanic	Ticarlinat 3,2g [2]	Thuố c bột pha tiêm	3g; 0,2g	Không sử dụng	1 lọ Ticarlinat 3,2g hòa tan 20ml NCPT hoặc dung dịch tiêm truyền Natri clorid 0,9%	3-4 phút	1 lọ Ticarlinat 3,2g hòa tan 20ml NCPT hoặc dung dịch tiêm truyền Natri clorid 0,9%. Sau đó tiếp tục pha loãng trong dung dịch tiêm truyền với thể tích thích hợp	20-30 phút	NCPT: 100ml Dung dịch Natri clorid 0,9%: 100ml Dung dịch Glucose 5%: 100-150ml	Dung dịch truyền tĩnh mạch ổn định trong 6 giờ ở nhiệt độ 25°C; 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C Dung dịch tiêm tĩnh mạch ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C
10	Cefoperazon + sulbactam	Basultam [2]	Bột pha tiêm	1g; 1g	1 lọ Basultam với 4,7ml NCPT, lắc đều sau đó pha loãng 2ml dd lidocain 2%. DD thu được có nồng độ Cefoperazon 125mg+ sulbactam 125mg/ml	1 lọ Basultam pha trong dung môi thích hợp: Dextrose 5%, NaCl 0,9% hay NCPT, sau đó phải pha loãng thành 20ml với cùng dung dịch pha thuốc để tiêm	Tối thiểu 3 phút	1 lọ Basultam pha với 6,7ml dung môi tương hợp, lắc đều thu được có nồng độ Cefoperazon 125mg+ sulbactam 125mg/ml. Nếu dùng dung dịch Lactate ringer : 1 lọ Basultam pha với 6,7ml dung môi tương hợp, lắc đều. Dung dịch thu được sau đó pha loãng với Lactate Ringer (2ml dung dịch pha lần đầu + 50ml dd Lactate ringer)	15-60 phút	NaCl 0,9%, Glu 5%, NCPT	Dùng ngay sau khi pha xong, dung dịch còn lại sau khi dùng phải bỏ đi.

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
				/Hàm lượng		Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
11	Cefazolin	Zolifast 2000 [2]	Thuốc bột pha tiêm	2g	1 lọ Zolifast 2000 /5ml NCPT	1 lọ Zolifast 2000 /10ml NCPT	5 phút[3]	Không sử dụng		NCPT	Dùng ngay sau khi pha xong
12	Cefotiam	Fotimyd 2000 [2]	Thuốc bột pha tiêm	2g	Hòa tan 1 lọ Fotimyd 2000 /6ml dung dịch thuốc tiêm Lidocain HCl 0,5%	Hòa tan 1 lọ Fotimyd 2000 /10ml NCPT, dung dịch NaCl 0,9% hoặc dung dịch Dextrose 5%		Pha thuốc với dung dịch tiêm truyền: dung dịch NaCl 0,9% hoặc dung dịch Dextrose 5%. NCPT không nên sử dụng pha thuốc truyền nhỏ giọt tĩnh mạch	Truyền nhỏ giọt tĩnh mạch trong 30- 120 phút đối với người lớn và trẻ em nên truyền 30-60 phút	NaCl 0,9% Dextrose 5%	Chỉ tiêm bắp khi không thể tiêm tĩnh mạch, thuốc pha xong phải sử dụng ngay, không quá 4 giờ ở dưới 25°C hoặc quá 24 giờ ở 2-8°C
13	Ceftizoxim	Zoximcef 1g [2]	Bột vô khuẩn pha tiêm	1g	1g/3ml NCPT	1g/10ml NCPT	3-5 phút	Hòa tan 01 lọ Zoximcef 1g với 50- 100ml dung môi pha tiêm	15-30 phút	NaCl 0,9% Dextrose 5% và 10% Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,9% hoặc 0,45% hoặc 0,2% Dung dịch Ringer, Ringer Lactat, NaHCO ₃ 5%	Tiêm bắp: dung dịch sau khi pha ổn định trong 16 giờ ở nhiệt độ phòng. Tiêm tĩnh mạch: dung dịch sau khi pha ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ phòng và trong 96 giờ ở nhiệt độ 5°C.

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
				/Hàm lượng		Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
14	Ceftizoxim	Ceftibiotic 2000 [2]	Thuốc bột pha tiêm	2g	Hòa tan 01 lọ thuốc Ceftibiotic 2000 trong 6ml NCPT	Hòa tan 01 lọ thuốc Ceftibiotic 2000 trong 20ml NCPT	3-5 phút	Hòa tan 01 lọ thuốc Ceftibiotic 2000 trong 50-100ml dung dịch natri clorid hoặc dung dịch truyền tĩnh mạch khác		NaCl 0,9% Dextrose 5%	Dung dịch thuốc đã pha trong NCPT ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ 25°C±3°C hoặc 96 giờ ở nhiệt độ 2- 8°C. Dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch trong NaCl 0,9% hoặc dextrose 5% ổn định trong 24 giờ ở nhiệt độ 2- 8°C hoặc 08 giờ ở nhiệt độ 25°C±3°C
15	Cefotaxim	Cefotaxime 1000 [2]	Thuốc bột pha tiêm	1g	Hòa tan 01 lọ Cefotaxime 1000/3ml NCPT. Liều 2g nên tiêm vào 2 vị trí khác nhau.	Hòa tan 01 lọ Cefotaxime 1000/10ml NCPT	3-5 phút	Hòa tan 01 lọ Cefotaxime 1000/10ml NCPT, tiếp tục pha loãng với 50-1000ml dung môi tương hợp	20-60 phút	NaCl 0,9% Dextrose 5% Dung dịch Lactated Ringer's	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay, nếu chưa dùng không được để quá 12 giờ ở nhiệt độ 5°C±3°C hoặc 04 giờ ở nhiệt độ < 25°C
16	Ceftazidim	Ceftazidim e 1000 [2]	Thuốc bột pha tiêm	1g	1g/3ml NCPT hoặc Lidocaine HCl 1%, có nồng độ khoảng 280mg/ml	1g/10ml NCPT, dung dịch sodium chloride 0,9% hoặc dextrose 5%, có nồng độ khoảng 100mg/ml	3-5 phút	1g/10ml NCPT, dung dịch sodium chloride 0,9% hoặc dextrose 5%, có nồng độ khoảng 10-20mg/ml (1-2g thuốc trong 100ml dung dịch)	30 phút	NaCl 0,9% Dextrose 5%	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay, nếu chưa dùng không được để quá 24 giờ ở nhiệt độ 5°C±3°C hoặc 12 giờ ở nhiệt độ < 25°C và bảo quản trong điều kiện vô trùng

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
				/Hàm lượng		Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
17	Ceftriaxon	Rocephin 1g I.V [2]	Bột pha dung dịch tiêm, truyền	1g	Không sử dụng	Hòa tan 01 lọ thuốc Rocephin 1g trong 10ml NCPT	2-4 phút	2g Rocephin được pha trong 40ml dung môi tương hợp. Lưu ý: không dùng đồng thời với dung dịch chứa canxi (Ringer lactate...)	≥30 phút	NCPT NaCl 0,9% Dextrose 5% Dextrose 10% NaCl 0,45% + dextrose 2,5% Dextran 6% trong Dextrose 5% Dịch truyền hydroxy ethyl starch 6-10%	Dung dịch sau khi pha dùng trong 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C hoặc 06 giờ ở nhiệt độ phòng.
18	Ceftriaxon	Poltraxon [2]	Bột pha dung dịch tiêm	1g	Hòa tan 01 lọ thuốc trong 3,5ml NCPT hoặc dung dịch lidocain 1%	Hòa tan 01 lọ thuốc trong 10ml NCPT	5 phút	Hòa tan 01 lọ thuốc /10ml NCPT , sau đó được pha loãng với 40-50ml dung môi tương hợp. Lưu ý: không dùng đồng thời với dung dịch chứa canxi (Ringer lactate...)	30 phút	NaCl 0,9% Dung dịch Glucose 5% Dung dịch Glucose 10% Dung dịch Dextran 6% trong dung dịch Dung dịch Glucose 5% Dung dịch NaCl 0,45% trong dung dịch Glucose 2,5%	Dung dịch sau khi pha dùng trong 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C. Các dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch được chuẩn bị từ NaCl và Glucose không được bảo quản ở nhiệt độ 2-8°C do tương kỵ vật lý giữa các thành phần ở nhiệt độ thấp, do đó các dung dịch chỉ dùng được một lần.
19	Cefepim	Cefepim Fresenius Kabi 2g [2]	Bột pha dung dịch tiêm hoặc tiêm truyền	2g	Không sử dụng	Hòa tan 01 lọ Cefepim Fresenius Kabi 2g trong 10ml NCPT/dung dịch pha tiêm dextrose 5%/NaCl 0,9%	3-5 phút	Hòa tan 01 lọ Cefepim Fresenius Kabi 2g trong 10ml NCPT/dung dịch pha tiêm dextrose 5%/NaCl 0,9%, tiếp tục cho vào dung môi tương hợp	30 phút	NaCl 0,9% (có hoặc không có dextrose 5%) Dextrose 10% Dung dịch Ringer's (có hoặc không có dextrose 5%) Natri lactat M/6	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay, nếu chưa dùng không được để quá 24 giờ ở nhiệt độ 2°C-8°C hoặc 02 giờ ở nhiệt độ 25°C

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
				/Hàm lượng		Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
20	Cefepim	Cefepime Kabi 1g [2]	Bột pha tiêm	1g	Không sử dụng	Hòa tan 1 lọ Cefepime Kabi 1g /10ml NCPT, Glucose 5%, NaCl 0,9%	3-5 phút	Hòa tan 1 lọ Cefepime Kabi 1g /10ml NCPT, Glucose 5%, NaCl 0,9%, sau đó thêm dung dịch vào dung môi tương hợp	30 phút	Glucose 10% NaCl 0,9% (có và không có Glucose 5%) Dung dịch Ringer (có và không có Glucose 5%) Natri lactat M/6	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay, ổn định trong 2 giờ ở 25°C.
21	Meropenem	Meronem [2]	Bột pha tiêm	1000mg	Không sử dụng	Hòa tan 1 lọ Meronem/20 ml NCPT để thu được dung dịch có nồng độ 50mg/ml	5 phút	Hòa tan 1 lọ Meronem trong dung môi tương hợp (50-200ml) để thu được dung dịch có nồng độ từ 1-20mg/ml	15-30 phút	NaCl 0,9% Glucose 5%	Tiêm tĩnh mạch: dung dịch sau khi pha ổn định trong 03 giờ ở nhiệt độ 25°C hay 16 giờ ở nhiệt độ 2-8°C . Tiêm truyền tĩnh mạch: dung dịch sau khi sử dụng NaCl 0,9% ổn định trong 03 giờ ở nhiệt độ 25°C hay 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C. Dung dịch sau khi sử dụng Glucose 5% nên sử dụng ngay.
22	Imipenem + Cilastatin	Imipenem Cilastatin Kabi [2]	Bột pha dung dịch tiêm truyền	500mg; 500mg	Không sử dụng	Không sử dụng	Hòa tan 01 lọ thuốc vào 10ml dung dịch tiêm truyền, lắc đều và chuyển dung dịch vừa hòa tan trong lọ thuốc vào dụng cụ chứa dung dịch tiêm truyền, thêm tiếp 10ml dung dịch tiêm truyền vào lọ thuốc để đảm bảo chuyển hết được thuốc trong lọ vào dung dịch tiêm truyền.	Liều ≤ 500mg/500 mg: 20-30 phút Liều > 500mg/500 mg: 40-60 phút	NaCl 0,9% Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,9% Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,225% Dung dịch Mannitol 5%	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay, nếu chưa dùng không được để quá 24 giờ ở nhiệt độ 2°C-8°C hoặc 03 giờ ở nhiệt độ < 25°C	

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ /Hàm lượng	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
						Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
23	Imipenem + Cilastatin	Tienam [2]	Bột vô khuẩn pha tiêm	500mg; 500mg	Không sử dụng	Không sử dụng		Hòa tan 01 lọ Tienam với 100ml dung dịch pha tiêm	Liều ≤ 500mg: 15-30 phút Liều > 500mg: 40-60 phút	NaCl 0,9% Dextrose 5% Dextrose 10% Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,45% Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,9% Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,225% Dung dịch Dextrose 5% và KCl 0,15% Mannitol 5% & 10%	Dung dịch thuốc sau khi pha xong nên sử dụng ngay, ổn định tron 04 giờ ở nhiệt độ phòng hoặc 24 giờ ở 2- 8°C.
24	Ciprofloxacin	Proxacin 1% [2]	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	200mg/ 20ml	Không sử dụng	Không sử dụng		Pha loãng trong dung môi tương hợp đến nồng độ thu được phải thấp hơn 1mg/ml (10ml dd đậm đặc phải được pha tối thiểu 50ml dung môi)	> 60 phút	Glu 5% NaCl 0,9%	Dùng ngay sau khi pha trong 01 giờ.
25	Levofloxacin	Levofloxacin 500mg/20 ml [2]	Dung dịch tiêm	500mg/ 20ml	Không sử dụng	Không sử dụng		Pha loãng với dung dịch tương hợp thành dung dịch có nồng độ 5mg/ml trước khi sử dụng	60 phút	NCPT NaCl 0,9% Dextrose 5% Dung dịch Ringer Lactat và Dextrose 5% Dung dịch Natri bicarbonat 5% Dung dịch Plasma Lyte 56/5% dextrose Dung dịch natri lactat 1/6M Dung dịch Dextrose 5% và NaCl 0,45%	Dùng ngay sau khi pha

ST T	Hoạt chất	Tên thuốc	Dạng bào chế	Nồng độ /Hàm lượng	Tiêm bắp	Tiêm tĩnh mạch		Truyền tĩnh mạch		Dung môi tương hợp	Chú ý
						Cách pha	Tốc độ	Cách pha	Tốc độ		
26	Amikacin	Chemacin [2]	Dung dịch tiêm	500mg/2ml	*	Không sử dụng		Pha loãng dung dịch chứa 500mg/100ml - 200ml dung môi tương hợp [1]	30-60 phút với trẻ sơ sinh truyền TM 1-2h	NaCl 0,9%; Glu 5%W	Bảo quản ở nhiệt độ 30°C. Khi thuốc đã được pha loãng trong dung dịch tiêm truyền thì cần phải được sử dụng càng sớm càng tốt và không bảo quản dung dịch đã pha loãng này.
27	Gentamicin dưới dạng gentamicin sulfat	Gentamicin 80mg/2ml [2]	Dung dịch tiêm	80mg/2ml	Liều ≥ 4 ml nên tiêm ở các vị trí khác nhau	Không sử dụng		Pha thuốc với dung dịch NaCl 0,9% hoặc dung dịch Glucose 5% theo tỉ lệ 1ml dịch truyền cho 1mg Gentamicin	30-60 phút	NaCl 0,9% Glucose 5%	Bảo quản ở nhiệt độ 30°C. Dùng ngay sau khi pha loãng.
28	Teicoplanin*	Targosid [2]	Bột đông khô pha tiêm	400mg	Hòa tan 01 lọ Targosid/3ml 1 NCPT (Có thể tiêm bắp cùng với Lidocain HCl 0,5/1%)	Hòa tan 01 lọ Targosid/3ml NCPT	01 phút	Hòa tan 01 lọ Targosid/3ml NCPT, tiếp tục pha loãng với dung môi tương hợp	30 phút	NaCl 0,9% Sodium Lactate Glu 5% NaCl 0,18% +Dextrose 4%	Các dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch nên được pha ngay trước khi tiêm truyền Dung dịch đã pha hoàn nguyên/ pha loãng bảo quản 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C
29	Vancomycin	Voxin [2]	Bột đông khô để pha dung dịch truyền	500mg	Không sử dụng	Không sử dụng		Hòa tan 01 lọ Voxin 500mg trong 10ml NCPT, tiếp tục pha loãng với 100ml dung môi	ít nhất 60 phút	Dextrose 5% NaCl 0,9% Dung dịch Ringer	Dung dịch sau khi pha dùng trong 24 giờ ở nhiệt độ 2-8°C

Ghi chú

* : Dùng trực tiếp

Từ viết tắt

D 5%W: Dextrose 5% in Water (Dextrose 5% trong nước cất pha tiêm)

LR : Ringer lactate

NCPT: Nước cất pha tiêm

Tài liệu tham khảo

[1]Quyết định số 708/QĐ-BYT ngày 02/3/2015 của Bộ trưởng Bộ y tế về việc ban hành tài liệu chuyên môn " Hướng dẫn sử dụng kháng sinh"

[2]Thông tin hướng dẫn của nhà sản xuất

[3]Dược thư quốc gia 2015